

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2434/QĐ-UB ngày 28/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 06/04/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh khai thác Chợ Cột Đỏ tại phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn của Công ty TNHH Xây dựng thương mại Vân Tùng;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 89/CĐ-HCNS ngày 29/06/2023 của Công ty cổ phần Chợ Cột Đỏ về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Chợ Cột Đỏ tại phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 768/TTr-STNMT ngày 06 tháng 07 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Chợ Cột Đỏ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Chợ Cột Đỏ tại phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Chợ Cột Đỏ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký Công ty, mã số 2802366877 đăng ký lần đầu ngày 08/01/2016 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 10/01/2019. Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

1.4. Mã số đăng ký kinh doanh: 2802366877.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Kinh doanh buôn bán.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II, đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: Tổng diện tích sử dụng đất 7.030m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 171 quầy hàng, 47 ki ốt, showroom bán hàng và 300 điểm kinh doanh hải sản tươi sống.

- Quy trình hoạt động của Chợ: Hàng hóa → Tập kết tại chợ → Các khu kinh doanh tại Chợ → Người tiêu dùng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải sinh hoạt ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu quản lý về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Chợ Cột Đỏ:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Chợ Cột Đỏ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước

thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 20 tháng 7 năm 2023 đến ngày 20 tháng 7 năm 2033).

Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 292/GP-UBND ngày 31/12/2021 UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Sầm Sơn và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Chợ Cột Đỏ;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Sầm Sơn (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VÀ QUẢN LÝ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nguồn số 1: Nước thải từ rửa tay chân, tắm giặt với tổng lưu lượng là $16,46\text{m}^3/\text{ngày}$.

1.2. Nguồn số 2: Nước thải từ khu vệ sinh với tổng lưu lượng là $24,69\text{m}^3/\text{ngày}$.

1.3. Nguồn số 3: Nước thải rửa nguyên liệu, thực phẩm tại khu vực chợ hải sản, thực phẩm tươi sống với lưu lượng là $32,4\text{m}^3/\text{ngày}$.

1.4. Nguồn số 4: Nước thải từ vệ sinh sàn nền khu vực hải sản và thực phẩm tươi sống với lưu lượng là $10,8\text{m}^3/\text{ngày}$.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải: Nước thải của Chợ được phân chia làm 02 dòng bao gồm: Dòng nước thải sinh hoạt và dòng nước thải kinh doanh thực phẩm tươi sống.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Toạ độ vị trí cửa xả nước thải của chợ (theo hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau:

- Toạ độ điểm xả thải nước thải sinh hoạt: X=2183400 (m); Y=593518(m);
- Toạ độ điểm xả thải nước thải kinh doanh thực phẩm tươi sống: X=2183378 (m); Y=593566(m);
- Toạ độ vị trí nguồn tiếp nhận sông Đơ như sau: X = 2183994 (m); Y = 591482 (m).

2.3. Lưu lượng xả thải

- Dòng nước thải sinh hoạt là: $41,2\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Dòng nước thải kinh doanh thực phẩm tươi sống là: $43,2\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Đối với dòng nước thải sinh hoạt phương thức xả thải: Tự chảy.
- Đối với dòng nước thải kinh doanh thực phẩm tươi sống: Bơm tự động, có kiểm soát lưu lượng bằng đồng hồ đo trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận.

2.4. Chất lượng nước thải: Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi thải ra môi trường bảo đảm đáp ứng được yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, k = 1), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, k=1)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	–	5-9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	TSS	mg/l	100	
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
4	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/l	10	
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	50	
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/l	10	
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
9	Coliforms	MPN/100 ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình thu gom và xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước thải

- Nước mưa chảy tràn trên mái nhà và sân bãi sẽ được thu gom về các hố ga → Mương thoát nước bằng BTCT → Mương thoát nước chung.

- Nước thải nhà vệ sinh → Bể tự hoại 03 ngăn → Mương thoát nước chung.

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt → Song chắn rác → Mương thoát nước chung.

- Nước thải rửa kinh doanh thực phẩm hải sản tươi sống → Song chắn rác → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m³/ngày.đêm: Nước thải từ hoạt động kinh doanh thực phẩm hải sản tươi sống → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Thải ra ngoài môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.
- Thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đưa đi xử lý khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố và tạm dừng hoạt động để khắc phục sự cố.
- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (dự kiến từ tháng 8/2023).
- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào và mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4. Phần A Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải sản xuất ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận tải hàng hóa ra vào chợ.
- Nguồn số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ các khu nhà buôn bán của chợ.
- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh từ khu xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với nguồn phát thải số 1.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với nguồn phát thải số 2.
- Dòng khí thải số 03: Khí thải phát sinh từ khu xử lý nước thải, tọa độ vị trí khu xử lý nước thải (theo hệ tọa độ VN – 2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3⁰) như sau: X= 2182385 (m); Y = 593486 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng không xác định.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng không xác định.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng không xác định.

2.3. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Thoát tự nhiên qua các ống xả khí thải của các phương tiện giao thông vận tải, chỉ xả ra môi trường khi có hoạt động vận tải.
- Dòng khí thải số 02: Thoát tự nhiên ra môi trường, chỉ khi có hoạt động chợ.
- Dòng khí thải số 03: Thoát tự nhiên qua ống thoát khí, khi vận hành hệ thống.

2.4. Chất lượng khí thải sau xử lý

Chất lượng khí thải phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông vận tải hàng hóa ra vào Chợ được thoát trực tiếp ra môi trường.

- Mùi, khí thải từ hoạt động kinh doanh buôn bán hải sản của Chợ được thoát trực tiếp ra môi trường xung quanh trong khu vực chợ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Các phương tiện giao thông vận tải ra vào chợ được lắp đặt thiết bị đồng bộ, được đăng ký, đăng kiểm về môi trường.

- Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải được lắp đặt ống thoát khí cao.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Các hoạt động buôn bán ở chợ (bao gồm các các phương tiện giao thông ra vào chợ).

- Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tọa độ: X = 2182418 (m); Y = 593513 (m).

- Nguồn số 02: tọa độ: X = 2182385 (m); Y = 5934868 (m).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^030'$ múi chiều 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng chất thải (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
2	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	1
Tổng số lượng			6

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	1.099,44
Tổng khối lượng		1.099,44

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 90 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Xây dựng 01 khu vực lưu chứa chất thải có diện tích 10 m²;
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa được đổ bê tông và lát nền vỉa xi măng chống thấm, tường xây gạch.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Toàn bộ lượng CTR sinh hoạt của chợ được thu gom vào 08 thùng loại 300 lit đặt tại các khu vực nhà chợ chính, chợ hải sản tươi sống, ki ô t và showroom để thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Xây dựng 01 khu vực lưu chứa chất thải có diện tích 20 m²;
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, đặt tại góc phía Tây Nam của Chợ gần trạm biến áp.

2.3. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải, khí thải;

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chỉ được chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.